

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-3-2025

V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường

2. Bà Phan Thị Mây

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Giàng A P**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản Khăm 2, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; CCCD số: 0380970073xx; Cấp ngày: 13/7/2023;

Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Vàng Thị S**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản Khăm 2, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; CCCD số: 0141930102xx; Cấp ngày: 14/9/2021;

Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2025; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Giàng A P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vàng Thị S tự do tìm hiểu, yêu đương và tự nguyện đến sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2013, được gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không thực

hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Khi về chung sống, hai người sống tại bản Khảm 2, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, cuộc sống của hai người hòa thuận, đầm ấm. Đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, cuộc sống không hạnh phúc, sau đó anh Giàng A P đã về nhà bố mẹ ở bản Khảm 2, xã Trung Lý, huyện Mường Lát sinh sống. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và không ai quan tâm đến ai nữa, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay xét thấy tình cảm không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Vàng Thị S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị Vàng Thị S có với nhau 04 con chung, gồm: Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016; Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 và cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021, hiện các cháu đang ở với anh chị.

Để đảm bảo việc học hành, ổn định tâm lý và môi trường sống ổn định của các cháu, anh đề nghị Tòa án giao cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016 và Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, vì đây cũng là nguyện vọng của cháu L, cháu N; giao cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021 cho chị Vàng Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A P và chị Vàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Vàng Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Giàng A P tự do tìm hiểu, yêu đương, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương của người dân tộc H'Mông, sau đó hai người về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2013 và cho đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, từ khi hai người đến với nhau thì chung sống với nhau tại bản Khảm 2, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, nhưng đến đầu năm 2022 thì hai người hay xảy ra cãi vã lẫn nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến nên vợ chồng xa cách không còn tình cảm. Chị biết việc anh Giàng A P nộp đơn lên Tòa án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Giàng A P, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Giàng A P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 04 con chung là cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016; Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 và cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021, hiện các cháu đang ở với anh chị; Chị yêu cầu Tòa án giao cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 cho anh Giàng A P là người trực tiếp nuôi dưỡng, vì đây cũng là nguyện

vọng của cháu L, cháu L; giao cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021 cho chị là trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014 và cháu Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016 có bản nguyện vọng muốn được ở với bố; cháu Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 và cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021 đều chưa đủ 07 tuổi, nên chưa có bản nguyện vọng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Anh Giàng A P và chị Vàng Thị S đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Về con chung: Anh P và chị Sáng có 04 con chung là cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016; Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 và cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021, hiện các cháu đang ở với anh chị; Quá trình giải quyết, anh chị đều yêu cầu Tòa án giao cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 cho anh Giàng A P là người trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021 cho chị là trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên chấp nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Miễn án phí cho đương sự, vì các đương sự là người dân tộc thiểu số (H'Mông), thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn.

Đề nghị áp dụng:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148 Bộ luật Dân sự;

Điều 9, Điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN&GD năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Giàng A P và chị Vàng Thị S là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 cho anh Giàng A P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021 cho chị L là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí và kháng cáo: Miễn án phí sơ thẩm cho anh Giàng A P, vì anh Giàng A P là người dân tộc thiểu số (H'Mông) thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, chị Vàng Thị S đang có hộ khẩu thường trú: Bản Khảm 2, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, chị chưa chuyển khẩu hay tạm trú, tạm vắng ở nơi khác.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh Giàng A P là nguyên đơn; chị Vàng Thị S là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Anh Giàng A P và chị Vàng Thị S sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2013. Mặc dù, theo quy định của pháp luật thì anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, nhưng thực tế từ trước đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Như vậy, anh Giàng A P và chị Vàng Thị S không tuân thủ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về Hôn nhân và Gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa anh

Giàng A P và chị Vàng Thị S thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc anh Giàng A P và chị Vàng Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nay là Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.*

Nam nữ không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.*

Vì vậy, anh Giàng A P và chị Vàng Thị S phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Hơn nữa, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn như sau: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.* Đối chiếu với những quy định nêu trên, việc anh Giàng A P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với chị Vàng Thị S là có căn cứ, nên chấp nhận.

Khoản 2 Điều 53 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không công nhận anh Giàng A P và chị Vàng Thị S là vợ chồng. Nên, Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng A P và chị Vàng Thị S và được giải quyết bằng bản án.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh Giàng A P và chị Vàng Thị S có 04 con chung là: cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016; Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 và cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021. Tại biên bản hòa giải ngày 10/3/2025 các đương sự tự nguyện thống nhất: Giao cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 cho anh Giàng A P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021 cho chị Vàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và anh Giàng A P và chị Vàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh Giàng A P và chị Vàng Thị S yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận trên, nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Các đương sự là người dân tộc thiểu số (H'Mông) thuộc hộ nghèo, thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148 Bộ luật dân sự;

Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Giàng A P.

1.1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng A P và chị Vàng Thị S.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Giàng Thị L, sinh ngày 05/4/2014; Giàng A L, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Giàng Bình N, sinh ngày 26/8/2018 cho anh Giàng A P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Giàng Thị P, sinh ngày 10/12/2021 cho chị Vàng Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Giàng A P và chị Vàng Thị S có quyền đi lại thăm nom con chung, không

ai được ngăn cấm, cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A P và chị Vàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Giàng A P và chị Vàng Thị S đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình cho anh Giàng A Pao.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, vắng mặt đương sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H. Mường Lát;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

